

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIANG THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 02 - 2024
V/v: Xin ly hôn, chia tài sản
chung và trả nợ chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIANG THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Ngọc.
- Ông Trịnh Minh Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoàng Thân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Hà Duy Phúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 01 và ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 05 năm 2022 về tranh chấp xin ly hôn, chia tài sản chung và nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Huỳnh Văn H, sinh ngày 03/11/1982.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp ĐC, xã VP, huyện GT, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Cẩm H, sinh ngày 16/08/1987 (có yêu cầu phản tố).

Địa chỉ: Tổ 3, ấp ĐC, xã VP, huyện GT, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn chị Hiếu: Luật sư Mai Hồng Hải, thuộc Văn phòng Luật sư Mai Hồng Hải-Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02, LH, quận BĐ, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

3.2. Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp ĐC, xã VP, huyện GT, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3.3. Anh Trần Thái D, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp ĐC, xã VP, huyện GT, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3.4. Anh Dương Văn Ch, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp ĐC, xã VP, huyện GT, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3.5. Chị Huỳnh Hoa L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp ĐC, xã VP, huyện GT, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3.6. Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp ĐC, xã VP, huyện GT, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3.7. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp ĐC, xã VP, huyện GT, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3.8. Anh Huỳnh Văn Ph, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp TT, xã VĐ, huyện GT, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3.9. Chị Võ Thị Th, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp TT, xã VĐ, huyện GT, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2022 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn anh Huỳnh Văn H trình bày: Tôi và cô Trần Thị Cẩm H chung sống với nhau vào năm 2006; có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã VP, huyện KL (nay là huyện GT), tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi chung sống có đầm ấm, hạnh phúc nhưng sau đó cả hai phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau. Do xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn đối với cô Trần Thị Cẩm H.

Về con chung: Tôi và cô Trần Thị Cẩm H chung sống với nhau có 02 con chung là Huỳnh Thị Kiều D, sinh ngày 05/3/2007-giới tính: Nữ và Huỳnh Tặc R, sinh ngày 27/02/2012-giới tính: Nam. Được ly hôn tôi trực tiếp nuôi dưỡng Kiều D đến đủ 18 tuổi; cô Cẩm H trực tiếp nuôi dưỡng Tặc R đến đủ 18 tuổi; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung qua lại với nhau.

Về tài sản chung: Tôi và cô Trần Thị Cẩm H chung sống với nhau tạo lập được các loại tài sản gồm:

+ 01 thửa đất số 24; tờ bản đồ số 28; diện tích 411,9m²; hình thức sử dụng riêng; mục đích sử dụng trồng cây hàng năm khác; thời hạn sử dụng tháng 10/2063; tọa lạc tại: Xã LB, huyện BL, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 329499, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An ký cấp ngày 28/09/2016 đứng tên Phạm Đăng Ngân V, chuyển nhượng Huỳnh Văn H ngày 17/4/2017. Quyền sử dụng đất này có phần hùn nhận chuyển nhượng của vợ chồng chị Huỳnh Thị T.

+ 01 thửa đất số 334; tờ bản đồ số 16; diện tích 140,0m²; hình thức sử dụng riêng; mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn; thời hạn sử dụng lâu dài; tọa lạc tại: Tuyến dân cư T3, ấp ĐC, xã VP, huyện GT, tỉnh Kiên Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 662949, do UBND huyện GT, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 04/3/2022 đứng tên Huỳnh Văn H và Trần Thị Cẩm H.

+ 01 thửa đất trồng lúa nước diện tích 25.000m²; tọa lạc tại: Ấp TT, xã VĐ, huyện GT, tỉnh Kiên Giang (chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...).

Các loại tài sản trên hai bên đã thỏa thuận theo văn bản phân chia ngày 07/11/2022. Nay cô Trần Thị Cẩm Hi chỉ đồng ý giao cho tôi có quyền sử dụng và định đoạt phần đất tọa lạc tại xã LB, huyện BL, tỉnh Long An (có phần hùn nhận chuyển nhượng của vợ chồng chị Huỳnh Thị T) nhằm mục đích chuyển nhượng cho người khác lấy tiền trả nợ chung mà tôi đã nhận nghĩa vụ trả, nên tôi yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án. Đối với 02 quyền sử dụng đất còn lại tọa lạc tại Tuyến dân cư T3, ấp ĐC, xã VP và ấp TT, xã VĐ cô Trần Thị Cẩm H không đồng ý theo văn bản phân chia nói trên và có ý kiến tranh chấp với tôi, nên tôi xin rút lại và không yêu cầu Tòa án phải giải quyết phân chia.

Về tài sản riêng: Cha mẹ tôi tặng cho riêng 01 thửa đất số 207; tờ bản đồ số 23; diện tích 29.485,7m² (đo thực tế 28.779,3m²); hình thức sử dụng riêng; mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước; thời hạn sử dụng tháng 04/2032; tọa lạc tại: Ấp VL (nay ấp TT), xã VĐ, huyện GT, tỉnh Kiên Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 206374, do UBND huyện GT, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 13/4/2012 đứng tên tôi là Huỳnh Văn H.

Về nợ chung: Tôi và cô Trần Thị Cẩm H vay nợ gồm:

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-Chi nhánh thành phố HT-Phòng giao dịch huyện GT, tỉnh Kiên Giang: 1.000.000.000 đồng và đã tất toán xong vào các ngày 27/10/2022 và ngày 02/11/2022.

- Vợ chồng chị Huỳnh Thị T và anh Trần Thái D: 90.000.000 đồng.

- Vợ chồng chị Huỳnh Hoa L và anh Dương Văn Ch: 270.000.000 đồng.

- Vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Huỳnh Thanh T: 400.000.000 đồng.

- Tổng cộng là 760.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi triệu đồng); tôi đề nghị Tòa án ghi nhận nghĩa vụ trả các khoản nợ nói trên cho tôi trong bản án.

Tại phiên tòa bị đơn chị Trần Thị Cẩm H trình bày: Về quan hệ vợ chồng; con cái và nợ chung mà tôi và anh Hạnh đã thỏa thuận theo văn bản phân chia vào ngày 07/11/2022 là tôi hoàn toàn thống nhất theo ý kiến trình bày của anh H. Tôi hoàn toàn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H và hiện tại tôi không đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

Về tài sản chung: Đối với quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã LB, huyện BL, tỉnh Long An (có phần hùn nhận chuyển nhượng của vợ chồng chị Huỳnh Thị T) là tôi hoàn toàn đồng ý giao cho anh Huỳnh Văn H toàn quyền sử dụng và định đoạt nhằm mục đích chuyển nhượng cho người khác lấy tiền trả nợ chung mà anh H đã nhận nghĩa vụ trả. Đối với 02 quyền sử dụng đất tọa lạc tại Tuyến dân cư T3, ấp ĐC, xã VP và ấp TT, xã VĐ tôi sẽ tranh chấp sau khi ly hôn để yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Về việc phản tố yêu cầu chia tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 207; tờ bản đồ số 23; diện tích 29.485,7m² (đo thực tế 28.779,3m²); tọa lạc tại: Ấp VL (nay ấp TT), xã VĐ, huyện GT, tỉnh Kiên Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 206374, do UBND huyện GT, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 13/4/2012 đứng tên anh Huỳnh Văn H thì tôi xin rút lại toàn bộ yêu cầu.

Tại Văn bản số 29/NHNo.HT-KHKD ngày 21/7/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-Chi nhánh thành phố HT, tỉnh Kiên Giang thể hiện: Ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thị Cẩm H vay thế chấp số nợ gốc 1.000.000.000 đồng, lãi suất tính đến ngày 21/7/2022 phải nộp 27.863.014 đồng và tại các chứng từ giao dịch ngày 27/10/2022 và ngày 02/11/2022 của Ngân hàng Agribank HT thể hiện việc đã tất toán các khoản anh Huỳnh Văn H vay.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 18/10/2022 chị Huỳnh Thị T và anh Trần Thái D trình bày: Vợ chồng tôi có cho vợ chồng ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thị Cẩm H mượn số tiền 90.000.000 đồng và hùn nhận chuyển nhượng phần đất tọa lạc tại: Xã LB, huyện BL, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 329499, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An ký cấp ngày 28/09/2016 đứng tên Phạm Đăng Ngân V, chuyển nhượng Huỳnh Văn H ngày 17/4/2017. Đối với số tiền và phần đất hùn nói trên vợ chồng tôi không có yêu cầu độc lập để giải quyết trong cùng vụ án; khi nào có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 18/10/2022 chị Huỳnh Hoa L và anh Dương Văn Ch trình bày: Vợ chồng tôi có vay tiền ngân hàng và cho vợ chồng ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thị Cẩm H mượn số tiền 270.000.000 đồng. Hiện tại vợ chồng tôi chưa có yêu cầu ông H và bà H trả số tiền trên.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 13/10/2022 anh Huỳnh Thanh T trình bày: Vợ chồng ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thị Cẩm H còn nợ tôi số tiền nhận chuyển nhượng đất là 400.000.000 đồng và tôi không có yêu cầu độc lập.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 13/10/2022 chị Nguyễn Thị H trình bày: Tôi hoàn toàn thống nhất theo ý kiến của chồng tôi là anh Huỳnh Thanh T theo Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 13/10/2022.

Tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 26/7/2023 chị Võ Thị Th trình bày: Ngày 27/6/2022 tôi có mua lại phần đất bằng 01 công tằm nhỏ của anh Huỳnh Văn H. Sau khi mua có đổ nền đất khoảng 100.000.000 đồng và đã đổi diện tích đất này cho anh Huỳnh Văn Ph, nên tôi không còn liên quan gì đến phần đất.

Tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 26/7/2023 anh Huỳnh Văn Ph trình bày: Tôi có nhận đổi phần đất mà chị Th nhận chuyển nhượng lại của anh H, chị Th nhận phần đất của tôi; còn anh H cam kết sẽ nhận lại đất và hoàn trả tiền lại cho tôi. Trường hợp anh H vi phạm cam kết thì tôi sẽ kiện anh H thành vụ án khác.

Nguyên đơn anh Huỳnh Văn H: Tôi không có ý kiến tranh luận.

Bị đơn chị Trần Thị Cẩm H: Tôi không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị T, Trần Thái D, Huỳnh Hoa L, Dương Văn Ch, Nguyễn Thị H, Huỳnh Thanh T, Võ Thị Th và Huỳnh Văn Ph: Không có mặt, nên không có ý kiến tranh luận.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự là đúng quy định của pháp luật; Tòa án còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Văn H. Về con chung: Giao

cháu Huỳnh Thị Kiều D, sinh ngày 05/3/2007-giới tính: Nữ cho anh Huỳnh Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi; giao cháu Huỳnh Tặc R, sinh ngày 27/02/2012-giới tính: Nam cho chị Trần Thị Cẩm H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi; Hai bên không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H, chị H có yêu cầu nhưng sau đó đã rút yêu cầu, nên căn cứ Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết yêu cầu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc anh Huỳnh Văn H tranh chấp xin ly hôn đối với chị Trần Thị Cẩm H có nơi cư trú tại ấp ĐC, xã VP, huyện GT, tỉnh Kiên Giang; nên được xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện GT, tỉnh Kiên Giang được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Trong vụ án này Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu phản tố do bị đơn chị Trần Thị Cẩm H rút toàn bộ yêu cầu. Không xem xét yêu cầu độc lập do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam; chị Huỳnh Thị T, anh Trần Thái D, chị Huỳnh Hoa L, anh Dương Văn Ch, chị Nguyễn Thị H, anh Huỳnh Thanh T, chị Võ Thị Th và anh Huỳnh Văn Ph không có yêu cầu.

[3] Việc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam; Chị Huỳnh Thị T, anh Trần Thái D, chị Huỳnh Hoa L, anh Dương Văn Ch, chị Nguyễn Thị H, anh Huỳnh Thanh T, chị Võ Thị Th và anh Huỳnh Văn Ph có đơn xin xét xử vắng mặt; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chị H là Luật sư Mai Hồng Hải vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[4] Việc Tòa án tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng về thụ lý vụ án; xem xét xác minh thu thập tài liệu chứng cứ; thông báo để các bên đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ; hòa giải việc xin ly hôn, nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung được kịp thời, đúng quy định của pháp luật. Đảm bảo sự có mặt tham gia xét xử của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm. Tòa án có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án.

[5] Xét về hôn nhân: Theo anh Huỳnh Văn H và chị Trần Thị Cẩm H khai nhận cả hai chung sống với nhau vào năm 2006; có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú, huyện Kiên Lương (nay là huyện Giang Thành), tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 34, Quyền số 01 ngày 21/8/2006. Sau khi chung sống có đầm ấm, hạnh phúc nhưng sau đó cả hai phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Huỳnh Văn H cương quyết xin ly hôn chị Trần Thị Cẩm H; chị Trần Thị Cẩm H trước khi mở phiên tòa không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa hôm nay lại đồng ý ly hôn đối với anh H, vì cả hai xét thấy có tiếp tục chung sống với nhau cũng

không mang lại hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của anh H và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần ghi nhận việc anh Huỳnh Văn H và chị Trần Thị Cẩm H đồng ý ly hôn nhau.

[6] Về con chung: Anh Huỳnh Văn H và chị Trần Thị Cẩm H khai nhận qua chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Huỳnh Thị Kiều D, sinh ngày 05/3/2007-giới tính: Nữ và cháu Huỳnh Tặc R, sinh ngày 27/02/2012-giới tính: Nam. Anh H và chị H thống nhất giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kiều D đến đủ 18 tuổi; thống nhất giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tặc R đến đủ 18 tuổi; phù hợp với nguyện vọng của cháu Kiều D và cháu Tặc R. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung qua lại với nhau.

[7] Việc anh Huỳnh Văn H xin ly hôn chị Trần Thị Cẩm H khi chị H không đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Về tài sản chung: Anh Huỳnh Văn H và chị Trần Thị Cẩm H khai nhận có tài sản chung. Theo đơn xin ly hôn anh H có yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung. Ngày 07/11/2022 anh H và chị H có văn bản tự thỏa thuận phân chia; đến ngày 19/9/2023 Tòa án mới tiến hành mở phiên họp và hòa giải. Nội dung văn bản thỏa thuận phân chia cũng như tại phiên tòa hôm nay chị H đồng ý giao và anh H đồng ý nhận phần đất tọa lạc tại xã LB, huyện BL, tỉnh Long An; nhằm mục đích để anh H sử dụng và toàn quyền định đoạt chuyển nhượng cho người khác lấy tiền trả nợ chung (trong đó có số nợ và phần hùn nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng chị Huỳnh Thị T). Do đó, việc anh H yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án với sự đồng ý của chị H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8.1] Đối với thửa đất số 334; tờ bản đồ số 16; diện tích 140,0m²; hình thức sử dụng riêng; mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn; thời hạn sử dụng lâu dài; tọa lạc tại: Tuyến dân cư T3, ấp ĐC, xã VP, huyện GT, tỉnh Kiên Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 662949, do UBND huyện GT, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 04/3/2022 đứng tên Huỳnh Văn H và Trần Thị Cẩm H và thửa đất trồng lúa nước diện tích 25.000m²; tọa lạc tại: Ấp TT, xã VĐ, huyện GT, tỉnh Kiên Giang (chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...); theo văn bản ngày 07/11/2022 thì anh H và chị H tự thỏa thuận và thống nhất phân chia nhưng tại phiên tòa hôm nay chị H lại thay đổi ý kiến là sẽ tranh chấp với anh H để giải quyết bằng vụ án khác; mặt khác, anh H tiếp tục giữ một phần đơn đề nghị rút lại yêu cầu chia tài sản chung (đơn đề ngày 26/7/2023) đối với 02 thửa đất nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần đình chỉ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đối với 02 thửa đất mà anh H đề nghị rút.

[8.2] Đối với thửa đất số 207; tờ bản đồ số 23; diện tích 29.485,7m² (đo thực tế 28.779,3m²); hình thức sử dụng riêng; mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước; thời hạn sử dụng tháng 04/2032; tọa lạc tại: Ấp VL (nay ấp TT), xã VĐ,

huyện GT, tỉnh Kiên Giang; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 206374, do UBND huyện GT, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 13/4/2012 đứng tên anh Huỳnh Văn H; ngày 15/01/2024 chị Trần Thị Cẩm H có đơn đề nghị xin rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố và tại phiên tòa hôm nay chị Cẩm H giữ nguyên đề nghị xin rút này, nên Hội đồng xét xử cũng cần đình chỉ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Về nợ chung: Anh Huỳnh Văn H và chị Trần Thị Cẩm H khai nhận qua chung sống anh, chị có nợ chung và theo văn bản ngày 07/11/2022 cũng như tại phiên tòa hôm nay anh H và chị H tự thỏa thuận và thống nhất giao cho anh H có nghĩa vụ trả và kê ghi nhận trong bản án các khoản nợ gồm:

- Vợ chồng chị Huỳnh Thị T và anh Trần Thái D: 90.000.000 đồng.
- Vợ chồng chị Huỳnh Hoa L và anh Dương Văn Ch: 270.000.000 đồng.
- Vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Huỳnh Thanh T: 400.000.000 đồng.

Đối với khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-Chi nhánh thành phố HT-Phòng giao dịch huyện GT, tỉnh Kiên Giang đã tất toán xong, nên không phải ghi nhận trong bản án.

[10] Về án phí: Anh Huỳnh Văn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[11] Về tạm ứng án phí: Trả lại cho anh Huỳnh Văn H 33.375.000 đồng, do rút yêu cầu chia tài sản chung và trả lại cho chị Trần Thị Cẩm H 24.000.000 đồng, do rút yêu cầu phản tố.

[12] Về chi phí tố tụng khác: Chị Trần Thị Cẩm H phải chịu toàn bộ chi phí trích đo địa chính là 2.449.000 đồng và chi phí định giá đất là 9.257.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận việc anh Huỳnh Văn H và chị Trần Thị Cẩm H đồng ý ly hôn nhau.

2. Về con chung: Ghi nhận việc anh Huỳnh Văn H và chị Trần Thị Cẩm H đồng ý giao cháu Huỳnh Thị Kiều D, sinh ngày 05/3/2007-giới tính: Nữ cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Giao cháu Huỳnh Tặc R, sinh ngày 27/02/2012-giới tính: Nam cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi; phù hợp với nguyện vọng của cháu D và cháu R. Anh H và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung qua lại với nhau; do anh H, chị H không có yêu cầu.

Chị Trần Thị Cẩm H cũng như anh Huỳnh Văn H và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung là cháu Huỳnh Thị Kiều D của anh Huỳnh Văn H và phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung là cháu Huỳnh Tặc R của chị Trần Thị Cẩm H.

Anh Huỳnh Văn H cũng như chị Trần Thị Cẩm H và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Huỳnh Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Huỳnh Tặc R và không được cản trở chị Trần Thị Cẩm H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Huỳnh Thị Kiều D.

3. Về tài sản chung: Căn cứ điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3.1. Ghi nhận việc chị Trần Thị Cẩm H đồng ý giao và anh Huỳnh Văn H đồng ý nhận thửa đất số 24; tờ bản đồ số 28; diện tích 411,9m²; hình thức sử dụng riêng; mục đích sử dụng trồng cây hàng năm khác; thời hạn sử dụng tháng 10/2063; tọa lạc tại: Xã LB, huyện BL, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 329499, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An ký cấp ngày 28/09/2016 đứng tên Phạm Đăng Ngân V, chuyển nhượng Huỳnh Văn H ngày 17/4/2017; nhằm mục đích để anh H sử dụng và toàn quyền định đoạt chuyển nhượng cho người khác lấy tiền trả nợ chung (trong đó có số nợ và phần hùn nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng chị Huỳnh Thị T).

3.2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Đình chỉ không phải giải quyết các loại tài sản gồm:

+ Thửa đất số 334; tờ bản đồ số 16; diện tích 140,0m²; hình thức sử dụng riêng; mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn; thời hạn sử dụng lâu dài; tọa lạc tại: Tuyến dân cư T3, ấp ĐC, xã VP, huyện GT, tỉnh Kiên Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 662949, do UBND huyện GT, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 04/3/2022 đứng tên Huỳnh Văn H và Trần Thị Cẩm H.

+ Thửa đất trồng lúa nước diện tích 25.000m²; tọa lạc tại: Ấp TT, xã VĐ, huyện GT, tỉnh Kiên Giang (chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...), do anh H rút yêu cầu chia đôi với 02 thửa đất nêu trên.

- Đình chỉ không phải giải quyết thửa đất số 207; tờ bản đồ số 23; diện tích 29.485,7m² (đo thực tế 28.779,3m²); hình thức sử dụng riêng; mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước; thời hạn sử dụng tháng 04/2032; tọa lạc tại: Ấp VL (nay ấp TT), xã VĐ, huyện GT, tỉnh Kiên Giang; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 206374, do UBND huyện GT, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 13/4/2012 đứng tên anh Huỳnh Văn H, do chị Trần Thị Cẩm H rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố.

Anh Huỳnh Văn H và chị Trần Thị Cẩm H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết do rút yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

4. Về nợ chung: Ghi nhận việc anh Huỳnh Văn H nhận nghĩa vụ trả nợ gồm:

- Vợ chồng chị Huỳnh Thị T và anh Trần Thái D: 90.000.000 đồng;

- Vợ chồng chị Huỳnh Hoa L và anh Dương Văn Ch: 270.000.000 đồng;

- Vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Huỳnh Thanh T: 400.000.000 đồng;
- Tổng cộng là 760.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

5. Về án phí và tạm ứng án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh Huỳnh Văn H phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và trả lại cho anh Huỳnh Văn H 33.375.000 đồng (Ba mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Anh Huỳnh Văn H đã nộp tạm ứng án phí 33.675.000 đồng (Ba mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002609 ngày 20/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Trả lại cho chị Trần Thị Cẩm H 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng) theo biên lai thu số 0002665 ngày 31/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

6. Về chi phí tố tụng khác: Căn cứ khoản 4 Điều 157 và khoản 4 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chị Trần Thị Cẩm H phải chịu toàn bộ chi phí trích đo địa chính là 2.449.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn đồng), theo Hóa đơn số 00000136 ngày 03/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang và chi phí thẩm định giá đất là 9.257.000 đồng (Chín triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng), theo Phiếu thu ngày 22/6/2023 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Tư vấn Đầu tư Miền Tây.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giang Thành;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Giang Thành;
- UBND xã Vĩnh Phú, Giang Thành, KG.
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Văn Vân